

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày 30-6-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Sơn Lạng, ông Trần Văn Chiu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 07/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-DS ngày 06/6/2025; và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 19/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Tô Thị Ngọc D, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Bà H'Vân N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Buôn D, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/6/2019, bà Nguyễn Thu H cho bà H'Vân N vay 50.000.000 đồng. Khi vay mượn, các bên xác lập Giấy mượn tiền, đề ngày 01/6/2019, có chữ kí, chữ viết của bà H1 dưới mục “Người vay”; lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 15%/năm; thời hạn vay đến ngày 01/10/2019 bà H1 phải hoàn trả gốc và lãi. Tuy nhiên, trong thời gian dài bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đến ngày 21/12/2022, bà H1 viết lại Giấy hẹn trả nợ với nội dung đến tháng 02 năm 2023 sẽ trả cho bà H số tiền 50.000.000 đồng đã vay. Cho đến thời điểm hiện

tại, bà H1 mới chỉ trả cho bà H được 5.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 28/02/2023.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp hòa giải ngày 28/3/2025, bà H đề nghị Tòa án buộc bà H1 phải trả cho bà H tổng số tiền 88.705.000 đồng, trong đó tiền vay gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh từ ngày 01/6/2019 cho đến ngày 28/3/2025 là 38.705.000 đồng; đồng thời buộc bà H1 phải chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả với mức lãi suất 15%/năm từ ngày 29/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Tuy nhiên, hiện nay bà H thay đổi yêu cầu về mức lãi suất, đề nghị Tòa án buộc bà H1 phải trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn với mức lãi suất 10%/năm; lãi trên nợ gốc quá hạn với mức lãi suất 10%/năm cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, và không yêu cầu lãi trên nợ lãi. Đồng thời buộc bà H1 phải trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thi hành án xong.

* Tại phiên họp hòa giải giữa các đương sự ngày 28/3/2025, bị đơn bà H'Vân N trình bày:

Bà H1 thừa nhận chữ ký, chữ viết trong Giấy mượn tiền đề ngày 01/6/2019 và Giấy hẹn trả nợ ngày 21/12/2022 là của bà H1. Bà H1 có mượn của bà H số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 01/6/2019; tại thời điểm vay các bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 2.000đồng/1triệu/1ngày; thời hạn vay từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/10/2019. Hai bên thỏa thuận cứ 01 tuần bà H1 sẽ trả lãi cho bà H 01 lần, mỗi lần 700.000 đồng. Bà H1 đã đóng tiền lãi cho bà H đến ngày 25/7/2021 thì không còn khả năng trả lãi vì hoàn cảnh gia đình khó khăn. Thời gian đó bà H1 trả tiền lãi cho bà H bằng tiền mặt, gặp ở đâu trả ở đó, không có giấy tờ thể hiện việc trả lãi. Hiện nay bà H1 không nhớ đã trả cho bà H bao nhiêu tiền.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà H1 không đồng ý; bà H1 chỉ đồng ý trả cho bà H 50.000.000 đồng tiền vay gốc; còn tiền lãi bà H1 đã trả cho bà H rất nhiều.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thu H, buộc bị đơn bà H'Vân N trả số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 01/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn bà H' Vân N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thu H khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà H'Vân N phải trả tiền vay gốc và tiền lãi theo thỏa thuận giữa các bên. Vì vậy, Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà H'Vân N, tuy nhiên bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà H1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà H trình bày ngày 01/6/2019 có cho bị đơn bà H1 vay số tiền 50.000.000 đồng; chứng cứ là Giấy mượn tiền, đề ngày 01/6/2019, có chữ kí, chữ viết mang tên H1 dưới mục “Người vay”, và Giấy hẹn trả nợ, đề ngày 21/12/2022, có chữ kí, chữ viết mang tên H'Vân N dưới mục “Người hẹn”. Nguyên đơn xác định khoản tiền vay ở 02 văn bản trên là cùng một khoản tiền được vay ngày 01/6/2019, lý do có 02 văn bản ở 02 thời điểm khác nhau đối với cùng một khoản vay là do thời gian kéo dài nhưng bị đơn không trả tiền nên đến ngày 21/12/2022 các bên mới lập văn bản là Giấy hẹn trả nợ.

Bị đơn thừa nhận có vay số tiền 50.000.000 đồng của nguyên đơn vào ngày 01/6/2019, việc vay mượn được lập văn bản là Giấy mượn tiền.

Vì vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn bà H'Vân N có nợ nguyên đơn bà Nguyễn Thu H số tiền vay gốc 50.000.000 đồng, việc vay mượn được xác lập ngày 01/6/2019.

[2.2] Đối với Giấy hẹn trả nợ, đề ngày 21/12/2022, có nội dung “*Tôi là H'Vân N – Có nợ em H số tiền 50.000.000 đồng...*”, tại Bản tự khai ngày 17/02/2025, bị đơn cho rằng bị ép buộc viết và kí; tuy nhiên tại phiên họp hòa giải ngày 28/3/2025 bị đơn xác định là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Đồng thời, qua xem xét Giấy hẹn trả nợ, đề ngày 21/12/2022, có chữ ký, chữ viết mang tên “Trần Hữu D1” và “Y Nam N1” dưới mục “Người chứng kiến”, Tòa án đã yêu cầu cung cấp thông tin về những người này nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp được; quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng. Bị đơn còn cho rằng bị ông Hoàng Đình Đ là chồng của nguyên đơn ép viết và kí Giấy hẹn trả nợ nhưng ông Đ xác định không liên quan đến việc vay mượn giữa các bên; bị đơn cũng không chứng minh được mình bị ép buộc viết Giấy hẹn trả nợ. Đồng thời, Hội đồng xét xử nhận thấy Giấy hẹn trả nợ ngày 21/12/2022 không làm thay đổi nội dung về số tiền vay gốc 50.000.000 đồng mà bị đơn đã vay của nguyên đơn vào ngày 01/6/2022.

[2.3] Về thời hạn vay: Theo Giấy mượn tiền ngày 01/6/2019 thì thời hạn vay giữa các bên đến ngày 01/10/2019 là kết thúc; tuy nhiên, đến ngày 21/12/2022 các bên xác lập Giấy hẹn trả nợ có nội dung bà H1 hẹn đến tháng 02 năm 2023 sẽ trả nợ cho bà H. Như vậy có thể thấy rằng Giấy hẹn trả nợ ngày

21/12/2022 đã thể hiện nội dung gia hạn thời gian trả nợ của nguyên đơn cho bị đơn đến tháng 02 năm 2023. Giấy hẹn trả nợ cũng thể hiện nội dung các bên xác định thời điểm trả nợ bằng tháng nên căn cứ Điều 148 Bộ luật Dân sự thì thời điểm kết thúc thời hạn là vào ngày cuối cùng của tháng 02/2023. Qua đó có thể xác định thời hạn vay giữa các bên được tính bằng tháng; cụ thể là từ 01/6/2019 đến hết tháng 02 năm 2023, là 45 tháng.

[2.4] Về lãi và lãi suất:

Nguyên đơn cho rằng khi vay mượn, các bên thỏa thuận lãi suất là 15%/năm; bị đơn cho rằng lãi suất là 2.000đồng/1triệu/1ngày. Giấy mượn tiền và Giấy hẹn trả nợ đều không thể hiện lãi suất. Như vậy, các bên đều xác định việc vay mượn có trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để xác định lãi suất cho vay là 10%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án áp dụng mức lãi suất 15% /năm kể từ ngày vay cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên trong thời gian Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa, tại Biên bản làm việc ngày 26/6/2025, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về lãi suất. Cụ thể chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn với mức lãi suất 10%/năm; lãi trên nợ gốc quá hạn với mức lãi suất 10%/năm cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, và không yêu cầu lãi trên nợ lãi. Đồng thời yêu cầu bị đơn phải trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thi hành án xong.

Nhận thấy việc thay đổi một phần yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn; mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu đồng thời cũng phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2.5] Về nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì nghĩa vụ trả nợ của bà H'Vân N được xác định như sau:

- Nợ gốc chưa trả: **50.000.000 đồng** (năm mươi triệu đồng).

- Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = 50.000.000 đồng x 45 tháng x 0,83%/tháng = 18.675.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định bị đơn đã trả được 5.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 28/02/2023. Như vậy, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 18.675.000 đồng – 5.000.000 đồng = **13.675.000 đồng** (mười ba triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = 150% lãi suất vay trong

hạn, tương đương: $150\%/năm \times 10\%/năm = 15\%/năm$. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi trên nợ gốc quá hạn là $10\%/năm$, yêu cầu này không làm bất lợi cho bị đơn.

Vì vậy, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = $50.000.000 \text{ đồng} \times 28 \text{ tháng (thời gian chậm trả nợ gốc)} \times 0,83\%/tháng = \mathbf{11.620.000 \text{ đồng}}$ (mười một triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà H Vân N2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: $(50.000.000 \text{ đồng} + 13.675.000 \text{ đồng} + 11.620.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 3.764.750 \text{ đồng}$ (ba triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 146; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thu H.

Buộc bị đơn bà H'Vân N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thu H số tiền 75.295.000 đồng (bảy mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng; lãi trên nợ gốc trong hạn là 13.675.000 đồng; lãi trên nợ gốc quá hạn là 11.620.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2] Về án phí: Bị đơn bà H'Vân N phải chịu 3.764.750 đồng (ba triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lắc;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện Lắc;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Duy Nguyên